TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-PT
Ngày 07-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;

Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1973; thường trú: Xóm H, thôn T, xã Q, huyện Q1, tỉnh T1; tạm trú: Số A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; thường trú: Xã H, huyện T3, tỉnh B1; địa chỉ liên hệ: Số 82, đường số N, khu Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 82, đường số N, khu Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/10/2019).

- *Bị đơn:*

1. Ông Giang Quần H, sinh năm 1953 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1957 (có mặt);

Cùng thường trú: Số 99/55, khu phố Đ, phường T3, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lương Thị T2, sinh năm 1975; thường trú: Xóm H, thôn T, xã Q, huyện Q1, tỉnh T1; tạm trú: Số A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Tiến N, sinh ngày 04/02/2003; thường trú: Xóm H, thôn T, xã Q, huyện Q1, tỉnh T1; tạm trú: Số A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của anh N: Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1973 và bà Lương Thị T2, sinh năm 1975; cùng thường trú: Xóm H, thôn T, xã Q, huyện Q1, tỉnh T1; tạm trú: Số A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là cha mẹ ruột (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

3. Ông Lưu Đức H, sinh năm 1980; thường trú: Xã K, huyện P, tỉnh N; tạm trú: Số A, khu phố Đ, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 24/10/2016 ông Nguyễn Tiến Q cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Bạch T, ông Giang Quần H vay số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có lập giấy thỏa thuận vay tiền, thời hạn vay 12 tháng, đến ngày 24/10/2017 vợ chồng bà T có trách nhiệm trả hết số nợ vay cho ông Q. Trong giấy thỏa thuận vay tiền hai bên không ghi lãi suất, nhưng thực tế mỗi tháng vợ chồng bà Ttrả cho ông Q 6.000.000 đồng tiền lãi tương ứng 3%/tháng. Tiền lãi bà T không trả trực tiếp cho ông Q mà bà T đưa cho ông Lưu Đức H để ông H đưa lại cho ông Q. Bà T chỉ trả được 03 tháng tiền lãi (mỗi ngày trả 200.000 đồng), sau đó không trả nữa. Một thời gian sau, ông Q tiếp tục cho vợ chồng bà T vay 100.000.000 đồng, nhưng theo yêu cầu của bà T, ông Q lập giấy vay tiền mỗi tờ giấy ghi 50.000.000 đồng, để thuận tiện cho bà T trả nợ ông Q cũng ghi ngày tháng vay trùng với tờ giấy vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 24/10/2018. Số tiền này vợ chồng bà T chưa trả cho ông Q, kể cả tiền gốc và lãi. Quá trình vay, vợ chồng bà T đã trả cho ông Q được 35.100.000 đồng. Ông Q yêu cầu vợ chồng bà T phải trả số tiền gốc 264.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 03 Bản chính giấy thỏa thuận vay tiền ngày 24/10/2016.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày*:

Bà T quen biết với ông Q thông qua sự giới thiệu của ông Lưu Đức H. Ngày 24/10/2016, bà ký giấy thỏa thuận vay tiền của ông Q số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, trong giấy vay tiền không ghi lãi nhưng thực tế lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng tương đương 12.000.000đ/tháng. Mặc dù số tiền vay là 200.000.000 đồng nhưng ông Q giao 180.000.000 đồng và nói 20.000.000 đồng sẽ giao sau, tuy nhiên sau đó ông Q không giao cho bà T mà trừ vào tiền lãi của tháng đầu. Từ ngày 24/11/2016, bà T bắt đầu đóng lãi cho ông Q bằng hình thức trả lãi ngày. Theo đó, mỗi ngày bà đều đưa cho ông Lưu Đức H 400.000 đồng để ông H trả cho ông Q giúp bà. Khi đưa tiền cho ông H bà T không ghi lại, nhưng ông H có sổ giao nhận với ông Q. Ngoài khoản nợ 200.000.000 đồng trên, bà T có vay nóng của ông Q 80.000.000 đồng và tiền góp ngày 30.000.000 đồng góp trong 22 ngày. Cả 02 khoản tiền vay nóng và góp ngày bà đã trả xong. Bà không vay số tiền 100.000.000 đồng như trình bày của ông Q mà đó là khoản tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng được ông Q cộng dồn thành giấy nhận nợ. Bà xác định chỉ vay nợ ông Q số tiền 200.000.000 đồng. Bà đã trả được 35.100.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi trong 450 ngày, số tiền lãi này đã vượt quá so với quy định nên phải được trừ vào tiền gốc, do đó hiện nay bà chỉ còn nợ ông Q 28.000.000 đồng, bà T chỉ đồng ý trả số tiền này. Khoản tiền vay của ông Q, bà T sử dụng vào mục đích buôn bán và lấy đó làm nguồn sống, chi dùng sinh hoạt trong gia đình.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Quyển tập học sinh ghi việc trả tiền lãi cho nguyên đơn có 01 vài nội dung bị tẩy xóa; phiếu thu 10.000.000 đồng ngày 12/6/2018; 02 tờ giấy ghi nhận trả nợ.

- *Bị đơn ông Giang Quần H trình bày*: Ông là chồng của bà T, ông thống nhất với phần trình bày của bà T.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị T2 trình bày*: Bà là vợ của ông Nguyễn Tiến Q, bà thống nhất với lời khai, yêu cầu của nguyên đơn ông Q.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến N trình bày*: Anh là con của ông Q và bà T. Việc bố mẹ anh cho vợ chồng bà T vay tiền cụ thể thế nào anh không biết. Khoảng năm 2018 anh có nhận của ông H trả tiền theo ngày cho bố mẹ anh. Mỗi ngày, ông H đưa cho anh 200.000 đồng, sau đó anh đưa lại cho ông Q số tiền này, cụ thể đó là tiền gì anh không biết. Ông H chỉ đưa được 01 thời gian sau đó không đưa nữa. Chữ "N" trong cuốn tập học sinh do bà T nộp cho Tòa án là chữ ký của anh, nội dung cụ thể thì anh không biết.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Đức H trình bày*: Ông là hàng xóm của ông Q và có quen biết với bà T do cùng buôn bán tại chợ D. Ngày 24/10/2016, ông đi cùng với ông Q vào nhà bà T để giao tiền ông Q cho bà Tvay. Số tiền là 200.000.000 đồng nhưng ông Q chỉ giao 180.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy thỏa thuận vay tiền. Tiền lãi trả theo ngày, mỗi ngày bà T đưa cho ông 400.000 đồng để trả cho ông Q, ông chỉ nhận 01 thời gian (ngày cụ thể không nhớ), sau đó ông Q trực tiếp thu tiền lãi từ bà T. Khi ông đưa tiền cho ông Q có

yêu cầu ký nhận vào 01 cuốn tập học sinh. Nếu ngày nào đủ thì ghi đủ, thiếu thì ông Q ghi chữ "thiếu". Trong cuốn tập học sinh chỗ nào ghi chữ "thiếu" tức là bà T thiếu tiền của ông Q thì đều đã được ông nhận nợ với ông Q bằng số tiền 130.000.000 đồng và đã được Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết bằng quyết định công nhận thỏa thuận. Giữa ông với ông Q không có quan hệ vay, nợ hụi nào khác. Bà T chỉ vay 200.000.000 đồng của ông Q, còn số tiền 100.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn đó là tiền lãi cộng dồn, không phải khoản vay.

Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T, ông Giang Quần H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch T, ông Giang Quần H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tiến Q khoản nợ theo giấy thỏa thuận vay tiền ngày 24/10/2016 là 164.900.000 (một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày 18/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Q về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T, ông Giang Quần H trả số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Q kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn đồng ý với bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Đức H trình bày: Ông là người trực tiếp nhận tiền của bà T để trả tiền lãi cho ông Q, lời trình bày của bà T là đúng sự thật, đối với hai giấy vay tiền mỗi giấy có nội dung bà T vay của ông Q 50.000.000 đồng là tiền lãi mà ông Q bắt buộc bà T ký tên nhưng thực tế bà T không nhận số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng quy định.

Về nội dung: Bị đơn khai nhận có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng thời hạn 12 tháng theo giấy thỏa thuận vay tiền ngày 24/10/2016, bị đơn đã trả được 35.100.000 đồng nợ gốc. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả tiền vay 100.000.000 đồng, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày có nhiều mâu thuẫn với lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, 02 giấy thỏa thuận vay tiền cùng ngày 24/10/2016 do nguyên đơn cung cấp có nội dung người mượn tiền là bà Nguyễn Thị Bạch T, bà T cam kết có mượn số tiền 50.000.000 đồng của ông Nguyễn Tiến Q, bà T thừa nhận chữ ký và dấu lăn tay trên 02 giấy thỏa thuận vay tiền này là của bà nhưng tổng số tiền 100.000.000 đồng này thực chất là tiền nguyên đơn cộng dồn tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng lập ngày 24/10/2016 mà bà không có khả năng trả lãi và gốc, thực tế bà T không nhận số tiền này. Đồng thời, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Đức H xác định bà Nguyễn Thị Bạch T có ký tên vào 02 giấy vay tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng nhưng là tiền lãi cộng dồn, thực tế bà T không nhận của ông Q số tiền này. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả khoản vay 100.000.000 đồng là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các đương sự thừa nhận về việc bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng thời hạn 12 tháng theo giấy thỏa thuận vay tiền ngày 24/10/2016 (giấy thỏa thuận được đánh máy, bị đơn ghi bằng bút mực nội dung: đã nhận đủ số tiền hai trăm triệu đồng chẵn của anh Q 24/10/2016). Bị đơn đã trả được 35.100.000 đồng nợ gốc. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét 02 giấy thỏa thuận vay tiền cùng ngày 24/10/2016 do nguyên đơn cung cấp (giấy thỏa thuận được đánh máy, nguyên đơn đã sửa bằng bút mực ngày hết hạn là 24/10/2017 thành 24/10/2018), mỗi giấy thỏa thuận có nội dung người mượn tiền là bà Nguyễn Thị Bạch T, bà T cam kết có mượn số tiền 50.000.000 đồng của ông Nguyễn Tiến Q, bà T thừa nhận chữ ký và dấu lăn tay trên 02 giấy thỏa thuận vay tiền này là của bà nhưng tổng số tiền 100.000.000 đồng này thực chất là tiền nguyên đơn cộng dồn tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng lập ngày 24/10/2016 mà bà không có khả năng trả lãi và gốc, thực tế bà T không nhận

số tiền này. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày 03 giấy vay tiền tổng cộng là 300.000.000 đồng bị đơn vay của nguyên đơn cùng một thời điểm, theo yêu cầu của bị đơn thì nguyên đơn viết thành các giấy vay tiền khác nhau. Tuy nhiên trong giấy vay số tiền 200.000.000 đồng có chữ ký, dấu lăn tay của ông Giang Quần H và có dòng chữ "Đã nhận đủ số tiền Hai trăm triệu đồng chẵn của anh Q", 02 giấy vay tiền đối với số tiền 100.000.000 đồng bị sửa chữa ngày phải trả nợ, mặc dù có mặt ông H nhưng không có chữ ký của ông H và không có nội dung đã nhận đủ số tiền. Đồng thời, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Đức H xác định bà Nguyễn Thị Bạch T có ký tên vào 02 giấy vay tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng nhưng là tiền lãi cộng dồn, thực tế bà T không nhận của ông Q số tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả khoản vay 100.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Nguyên đơn ông Q kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả khoản vay 100.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Q.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0048641 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Cao Huy Cường